**Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam  **MS03**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG MỞ, SỬ DỤNG   
TÀI KHOẢN THANH TOÁN VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG –** *Dành cho**Tổ chức*

*Số hợp đồng …………… ngày* *….. tháng ……. năm .…*

**A- PHẦN ĐỀ NGHỊ**

***Đề nghị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh*** *…………………….…*

mở tài khoản thanh toán (TKTT) cho chúng tôi với thông tin sau:

*( Khách hàng vui lòng gạch chéo các phần để trống thông tin, không gạch đè lên thông tin in sẵn)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – CHỦ TÀI KHOẢN** | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tên tổ chức mở TK (Tiếng Việt) *..*  Tên tổ chức mở TK (Tiếng Anh)*................................................................................................................................................... ..................................................................... .....................................................................*  Tên viết tắt ………………………………………………………………………………………………………………….……………………… .. Cư trú  🗌 Không 🗌 Có  Số ĐKKD/Đầu tư/Hoạt động/Thành lập.  Ngày cấp Nơi cấp Nước cấp  Địa chỉ đặt trụ sở chính  Địa chỉ liên lạc  Mã số thuế[[1]](#footnote-1) Doanh thu thuần ………………………………………….…Vốn điều lệ  Lĩnh vực hoạt động/kinh doanh Tổng số lao động  Email Điện thoại Số Fax  **Người đại diện hợp pháp** 🗌 Nam  🗌 Nữ  Ngày sinh Quốc tịch Cư trú🗌 Không 🗌 Có  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn*:*  Thị thực nhập cảnh Ngày cấp Ngày hết hạn  Chức vụ Email Điện thoại  Địa chỉ cư trú hiện tại  Địa chỉ thường trú  Địa chỉ nước ngoài | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khách hàng có phải là người nhận ủy thác của ủy thác nước ngoài không? | | 🗌 Có  Vui lòng điền mẫu theo quy định hiện hành về nhận biết KH của VietinBank | | | | | | | | | | | | | 🗌 Không |
| Tên tổ chức, cá nhân ủy thác: | | | | | | | | | | | | |
| Khách hàng có chủ sở hữu hưởng lợi khác không? | | 🗌 Có  Vui lòng điền mẫu theo quy định hiện hành về nhận biết KH của VietinBank | | | | | | | | | | | | | 🗌 Không |
| Tên tổ chức, cá nhân chủ sở hữu hưởng lợi khác: | | | | | | | | | | | | |
| **Thông tin FATCA** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Tổ chức có QĐTL/GPĐKKD/GPĐT tại Mỹ/Nhà đầu tư/Cổ đông là người Mỹ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trên 10% giá trị công ty không? *(Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-9 và cung cấp Mã số thuế Mỹ tương ứng)* | | | | | | | | 🗌 Có  MS thuế Mỹ | | | | | | 🗌 Không | |
| 2. Tổ chức có được xem như một Định chế tài chính ngoài Mỹ theo quy định của FATCA không? (*Nếu có, vui lòng cung cấp mã số GIIN, hoặc Mẫu W-8BEN-E nếu tổ chức không có mã số GIIN*) | | | | | | | | 🗌 Có  Mã số GIIN | | | | | | 🗌 Không | |
| 3. Tổ chức có nhà đầu tư/cổ đông là người Mỹ không? (*Nếu có, vui lòng điền Mẫu W-8BEN-E*) | | | | | | | | 🗌 Có | | | | | | 🗌 Không | |
| 1. **THÔNG TIN TÀI KHOẢN THANH TOÁN** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1. Thông tin tài khoản** | | | | | | | | | | | | | | | |
| Loại tài khoản | 🗌 TKTT | | | | | 🗌 TK vốn chuyên dùng | | | | | | | 🗌 TKTT chuyên dùng khác | | |
| Loại tiền | 🗌 VND | | | | | 🗌 USD | | | | | | | 🗌 Khác | | |
| Tên TK |  | | | | | | | | | | | | | | |
| Mục đích mở TKTT | 🗌 Chi lương | | | | | | | | 🗌 Đầu tư/Nhận vốn đầu tư | | | | | | |
| 🗌 Thanh toán hàng hóa, dịch vụ | | | | | | | | 🗌 Vay nước ngoài/Cho vay ra nước ngoài/Bảo lãnh, thu hồi nợ bảo lãnh người không cư trú | | | | | | |
| 🗌 Khác (ghi rõ) | | | | | | | | | | | | | | |
| Phương thức nhận sao kê tài khoản và các thông tin cần thiết khác. | 🗌 Tại VietinBank nơi quản lý TK | | | | | | | | | 🗌 Địa chỉ cư trú của Khách hàng | | | | | |
| 🗌 Email | | | | | | | | | 🗌 Internet Banking | | | | | |
| **2. Mẫu dấu, chữ ký giao dịch và ủy quyền** | | | | | | | | | | | | | | | |
| *Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền; kế toán trưởng, người được ủy quyền kế toán trưởng (nếu có) và mẫu dấu (nếu có) của tổ chức đăng ký dưới đây được sử dụng để thực hiện mọi giao dịch với VietinBank trong phạm vi đại diện/ủy quyền, trừ trường hợp có thoả thuận khác* | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.1. Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **a. Người đại diện theo pháp luật[[2]](#footnote-2)** | | | | | | | | | | | | | | | |
| Họ tên 🗌 Nam 🗌 Nữ  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Điện thoại Địa chỉ | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | |
| **b. Người được Chủ tài khoản ủy quyền** | | | | | | | | | | | | | | | |
| ­  **Nội dung ủy quyền:**  **🗌 Theo văn bản ủy quyền đính kèm:**  Giấy ủy quyền số Ngày lập Ngày hết hạn  **🗌 Theo thông tin ủy quyền dưới đây[[3]](#footnote-3)**:   * Bằng việc ủy quyền tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng, Chủ tài khoản đề nghị Ngân hàng cập nhật thông tin và chữ ký giao dịch của Người được ủy quyền dưới đây với vai trò là Người đại diện hợp pháp của Chủ tài khoản theo phạm vi ủy quyền sau: Người được ủy quyền được toàn quyền nhân danh/thay mặt Chủ tài khoản thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Chủ tài khoản theo quy định của pháp luật và các thỏa thuận theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này. * Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày đại diện Chủ tài khoản ký Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng này đến ngày ……/.…./……… hoặc đến khi có văn bản Ủy quyền khác thay thế gửi đến VietinBank. | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Người được ủy quyền thứ nhất** 🗌 Nam 🗌 Nữ  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Điện thoại Địa chỉ | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | |
| **Người được ủy quyền thứ hai** 🗌 Nam 🗌 Nữ  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Điện thoại Địa chỉ | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | |
| **2.2. Kế toán trưởng/người phụ trách kế toán và người được ủy quyền** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **a. Kế toán trưởng/phụ trách kế toán[[4]](#footnote-4)**: | | | | | | | | | | | | | | | |
| Họ tên 🗌 Nam 🗌 Nữ  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Quốc tịch Thị thực nhập cảnh Cư trú 🗌 Có 🗌 Không  Địa chỉ Email Điện thoại  Quyết định bổ nhiệm số Ngày: | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* ”) | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | |
| **b. Người được ủy quyền** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nội dung ủy quyền:**  **🗌 Theo văn bản ủy quyền đính kèm:**  Giấy ủy quyền số Ngày lập Ngày hết hạn  **🗌 Theo thông tin ủy quyền dưới đây[[5]](#footnote-5):**   * Phạm vi ủy quyền: Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán ủy quyền cho người được Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán ủy quyền và đăng ký chữ ký giao dịch dưới đây được ký các chứng từ giao dịch, sử dụng TKTT với tư cách Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán của Chủ tài khoản. * Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày ……/.…./……… đến ngày ……/.…./……… hoặc đến khi có văn bản Ủy quyền khác thay thế gửi đến VietinBank. | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Người được ủy quyền thứ nhất** 🗌 Nam 🗌 Nữ  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Điện thoại Địa chỉ . | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | |
| **Người được ủy quyền thứ hai** 🗌 Nam 🗌 Nữ  Số TCC/CMND/HC  Ngày cấp Nơi cấp Ngày hết hạn  Điện thoại Địa chỉ | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Đăng ký mới/thay đổi chữ ký mẫu đã đăng ký *(KH vui lòng ký chữ ký mẫu, họ tên)*  🗌 Sử dụng chữ ký mẫu đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Chữ ký mẫu”)* ”) | | | | Chữ ký mẫu thứ nhất  (ký, họ tên) | | | | | | | | Chữ ký mẫu thứ hai  (ký, họ tên) | | | |
| **2.3. Mẫu dấu** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 🗌 Chúng tôi đăng ký mẫu dấu mới/thay đổi mẫu dấu đã đăng ký *(KH vui lòng đóng mẫu dấu)*  🗌 Chúng tôi sử dụng mẫu dấu của chúng tôi đã đăng ký giao dịch TKTT số/tại Giấy đăng ký thông tin KH ngày ……………………………… tại VietinBank để tiếp tục giao dịch TKTT được mở theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng TKTT này *(KH vui lòng gạch chéo vào ô “Mẫu dấu”)* | | | | Mẫu dấu thứ nhất | | | | | | | | Mẫu dấu thứ hai | | | |
| **3. Yêu cầu khác[[6]](#footnote-6)**  ..............................................................................................................................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | |
| **4. Giấy tờ gửi kèm** | | | | | | | | | | | Ngày | | Bản gốc/bản sao | | |
| Quyết định thành lập DN/Giấy phép ĐKKD/đầu tư số | | | | | | | | | | |  | |  | | |
| VB xác nhận người đại diện hợp pháp số | | | | | | | | | | |  | |  | | |
| QĐ bổ nhiệm KTT/phụ trách kế toán (nếu có) số | | | | | | | | | | |  | |  | | |
| Các giấy tờ liên quan khác (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | |
| **III. THÔNG TIN DỊCH VỤ NGÂN HÀNG \*** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **TKTT theo yêu cầu:**   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. **Gói TKTT:**   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. **Thông báo biến động số dư:**   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. **Dịch vụ Ngân hàng điện tử:**   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. **Dịch vụ Hóa đơn tổng:**   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. **Sản phẩm dịch vụ khác:**   .............................................................................................................................................................................................................................................................  ............................................................................................................................................................................................................................................................. | | | | | | | | | | | | | | | |
| **B – PHẦN HỢP ĐỒNG** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **THÔNG TIN CÁC BÊN** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Bên cung cấp dịch vụ** | | | | | **Bên sử dụng dịch vụ - Khách hàng** | | | | | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh | | | | | Tên khách hàng | | | | | | | | | | |
| Người đại diện | | | | | Người đại diện | | | | | | | | | | |
| Chức vụ | | | | | Chức vụ | | | | | | | | | | |
| Theo giấy ủy quyền số ………………………….….….…… ngày ……………… của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | | | | | *(Các thông tin khác có liên quan của khách hàng (nếu có) được thể hiện cụ thể tại Phần A của văn bản này)* | | | | | | | | | | |
| **Khách hàng đề nghị mở TKTT và sử dụng dịch vụ ngân hàng với các thông tin cụ thể đã nêu tại Phần A - Phần đề nghị của văn bản này và Ngân hàng đồng ý cung ứng dịch vụ theo các thoả thuận cụ thể sau** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **THỎA THUẬN CỤ THỂ** | | | | | | | | | | | | | | | |
| **I.Thỏa thuận cụ thể về mở, sử dụng TKTT:**  1. Khi KH mở TKTT và sử dụng dịch vụ tại VietinBank, tuỳ theo dịch vụ đăng ký Quý KH phải tuân thủ các nội dung thoả thuận, quy định theo từng loại hình dịch vụ. VietinBank cung cấp thông tin số dư TKTT của KH qua sao kê tài khoản và/hoặc cung cấp thông tin số dư TKTT của KH qua từng lần giao dịch trên các kênh giao dịch điện tử. KH kiểm soát, đối chiếu số dư TKTT của mình với VietinBank, nếu có sai lệch KH liên hệ với VietinBank trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận sao kê tài khoản hoặc sau khi hoàn thành giao dịch để kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp không phát sinh giao dịch, KH chủ động đối chiếu số dư TKTT của mình với VietinBank tối thiểu 01 lần/năm.  2. KH đồng ý cho VietinBank được tự động trích Nợ từ bất kỳ TKTT nào của KH mở tại VietinBank để thanh toán phí dịch vụ theo biểu phí của VietinBank quy định trong từng thời kỳ được công khai tại các Điểm giao dịch và (hoặc) trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) hoặc theo thoả thuận giữa KH và VietinBank. Trường hợp thay đổi mức phí, VietinBank sẽ thông báo công khai tại các Điểm giao dịch và (hoặc) trên website  www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn). Thời gian tối thiểu từ khi thông báo/cập nhật đến khi áp dụng các thay đổi về phí là 07 ngày.  3. KH đồng ý rằng bằng việc (i) truy cập vào các nền tảng công nghệ điện tử do VietinBank cung cấp bằng chính tên đăng nhập và mật khẩu của KH, (ii) nhập mã OTP (One Time Pasword) do VietinBank gửi đến số điện thoại của KH đã đăng ký với VietinBank khi mở TKTT và/hoặc sử dụng chữ ký điện tử và/hoặc xác thực theo các phương pháp khác do VietinBank thực hiện từng thời kỳ (nếu có) để đăng ký dịch vụ, giao kết các thỏa thuận/hợp đồng với VietinBank khi sử dụng các sản phẩm/dịch vụ trên các nền tảng công nghệ điện tử do VietinBank cung cấp; nội dung đăng ký, thỏa thuận/hợp đồng này thể hiện ý chí chấp thuận của KH về các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng, thỏa thuận dịch vụ đó khi thực hiện các giao dịch với VietinBank  4. Việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng tài khoản, KH đồng ý thực hiện theo các khuyến cáo, hướng dẫn, quy định, điều kiện tại Điều kiện giao dịch chung của VietinBank và quy định của pháp luật  5. VietinBank cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho Khách hàng (KH) biết về số dư và các giao dịch phát sinh trên TKTT và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng TKTT theo phương thức cung cấp dịch vụ KH đã đăng ký tại phần A- Phần đề nghị của Giấy đề nghị mở, sử dụng TKTT và dịch vụ Ngân hàng (Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng) này hoặc khi có yêu cầu cung cấp thông tin của KH theo quy định của Vietinbank và pháp luật.  6. KH chấp thuận việc VietinBank sử dụng thông tin trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này để: (i) Cung cấp thông tin cho Cơ quan thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và (hoặc) Sở Thuế vụ Mỹ theo quy định tại Đạo Luật tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản nước ngoài của Mỹ (FATCA); (ii) Thực hiện khấu trừ thuế theo quy định của đạo luật FATCA (nếu có); (iii) Nhận các thông tin liên quan đến tài khoản và các thông tin giới thiệu, tư vấn dịch vụ sản phẩm của VietinBank; (iv) Cung cấp cho Công ty con, công ty liên kết của VietinBank nhằm mục đích tư vấn, giới thiệu, cung ứng sản phẩm dịch vụ.  7. KH cam kết sẽ cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của FATCA trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp KH là người nhận ủy thác của một ủy thác nước ngoài. Trường hợp có sự thay đổi về trạng thái FATCA, KH sẽ thông báo với VietinBank trong vòng 30 ngày kể từ khi có sự thay đổi.  8. Các trường hợp phong tỏa, chấm dứt phong tỏa, tạm khóa và chấm dứt tạm khóa, đóng tài khoản TKTT, xử lý số dư còn lại sau khi đóng TKTT, phạm vi sử dụng, hạn mức giao dịch,các trường hợp tạm dừng, từ chối lệnh thanh toán của KH, quy định về xử lý tra soát, khiếu nại và các nội dung khác: Các Bên đồng ý thực hiện theo quy định tại Bản điều khoản điều kiện về mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng tại VietinBank (Điều kiện giao dịch chung) và quy định của pháp luật. Trường hợp phong toả tài khoản, VietinBank có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản cho KH đến địa chỉ KH đã đăng ký thông tin với VietinBank.  9. VietinBank được quyền đóng TKTT của KH trong trường hợp TKTT của KH có số dư bằng 0 (không) và không có giao dịch liên tục trong thời gian 01 (một) năm và các trường hợp khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật và/hoặc thỏa thuận với KH.  10. VietinBank chịu trách nhiệm đảm bảo giá trị pháp lý của chứng từ, tài liệu điện tử được ký số bởi VietinBank tương đương chứng từ, tài liệu bằng văn bản giấy theo Quy định của Pháp luật. Trường hợp KH đăng ký nhận chứng từ, tài liệu bản ký số, KH thừa nhận giá trị pháp lý của các chứng từ, tài liệu điện tử được ký số và cung cấp bởi VietinBank tương đương chứng từ, tài liệu bằng văn bản giấy.  11. Bằng việc giao kết Hợp đồng/thỏa thuận/mẫu biểu, xác nhận chấp thuận sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của VietinBank thông qua phương tiện điện tử và các hình thức khác phù hợp theo quy định của pháp luật, KH xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý đối với toàn bộ điều kiện điều khoản bảo vệ dữ liệu cá nhân của VietinBank, đồng ý cho VietinBank xử lý dữ liệu cá nhân trong tất cả các hoạt động trong quy trình xử lý dữ liệu cá nhân và cho tất cả các mục đích xử lý dữ liệu cá nhân theo “điều khoản và điều kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân” được VietinBank công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của VietinBank (bao gồm cả các dữ liệu cá nhân của Người đại diện hợp pháp/Người giám hộ/Người được giám hộ/Người giám sát giám hộ (nếu có)/Người được ủy quyền/Người đại diện hợp pháp của Tổ chức giám hộ/Người lao động và những người có liên quan khác của Doanh nghiệp và dữ liệu được khách hàng cung cấp, cập nhật/đăng ký thay đổi trong từng thời kỳ (nếu có)). KH đồng ý rằng các thay đổi trong “điều khoản và điều kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân” (nếu có) của VietinBank được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của VietinBank khi KH tiếp tục sử dụng sản phẩm dịch vụ của VietinBank sẽ chịu sự ràng buộc với các nội dung cập nhật sửa đổi.  **II**. **Thỏa thuận cụ thể về sử dụng dịch vụ Ngân hàng\*\***   1. 1. Thỏa thuận về TKTT theo yêu cầu:   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. Thỏa thuận về gói TKTT:   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. Thỏa thuận về thông báo biến động số dư   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. Thỏa thuận về dịch vụ Ngân hàng điện tử:   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. Dịch vụ Hóa đơn tổng   .............................................................................................................................................................................................................................................................  .............................................................................................................................................................................................................................................................   1. Thỏa thuận về dịch vụ khác:       **III. Thỏa thuận khác:**  1. Các nội dung khác liên quan đến mở, sử dụng TKTT và dịch vụ Ngân hàng được quy định tại Bản điều khoản điều kiện về mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng tại VietinBank (Điều kiện giao dịch chung). Khách hàng xác nhận đã được VietinBank cung cấp đầy đủ thông tin về Điều kiện giao dịch chung; đã đọc, hiểu rõ, đồng ý với các quy định tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng và Điều kiện giao dịch chung trong quá trình mở, sử dụng TKTT và dịch vụ ngân hàng (bao gồm cả trường hợp đăng ký thay đổi/bổ sung các dịch vụ ngân hàng). Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này và bản Điều kiện giao dịch chung là một bộ Hợp đồng hoàn chỉnh về mở sử dụng TKTT và dịch vụ Ngân hàng.  2. Khi sửa đổi/bổ sung/thay thế Điều kiện giao dịch chung, VietinBank có trách nhiệm thông báo công khai trên website www.[vietinbank.vn](http://vietinbank.vn) tối thiểu 07 ngày trước khi có hiệu lực. Nếu không đồng ý với các nội dung sửa đổi, Khách hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng tài khoản và (hoặc) các dịch vụ đã đăng ký; nếu tiếp tục sử dụng tài khoản và (hoặc) các dịch vụ được hiểu là Khách hàng chấp thuận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.  3. Các quyền, nghĩa vụ của các Bên và những nội dung khác không quy định tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này được thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa KH và VietinBank.  4. Khách hàng cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin trên Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này và tính hợp pháp của các giấy tờ kèm theo.  5. Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này gồm …. trang, được lập thành hai (02) bản, mỗi Bên giữ một (01) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau./*.* | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Đại diện Ngân hàng**  *Ký, họ tên, đóng dấu* | | | | | **Đại diện khách hàng [[7]](#footnote-7)**  *Ký, họ tên, đóng dấu (nếu có)* | | | | | | | | | | |
| **C- DÀNH CHO NGÂN HÀNG** | | | | |  | | | | | | | | | | |
| Số TK | | | | | Ngày bắt đầu hoạt động của TK | | | | | | | | | | |
| **Cán bộ nhận hồ sơ\*\*\***  *Ký, họ tên* | | | **Giao dịch viên**  *Ký, họ tên* | | | | **Kiểm soát viên**  *Ký, họ tên* | | | | | | | | |

*Ghi chú:*

\*: Căn cứ sản phẩm dịch vụ ngân hàng KH yêu cầu sử dụng tại thời điểm mở TKTT, Đơn vị ghép nội dung sản phẩm dịch vụ tương ứng theo quy định hiện hành.

\*\*: Căn cứ sản phẩm dịch vụ KH đăng ký tại phần III- Thông tin dịch vụ NH, Đơn vị ghép quy định về thỏa thuận/điều kiện tương ứng với sản phẩm dịch vụ KH đăng ký theo quy định sản phẩm hiện hành.

\*\*\*: Trường hợp cán bộ nhận hồ sơ mở TKTT không phải GDV, cán bộ phải ký và ghi rõ họ tên.

1. Nếu KH đã được cơ quan thuế cung cấp MST, KH chịu trách nhiệm kê khai đúng MST của KH theo quy định của Luật quản lý thuế. [↑](#footnote-ref-1)
2. Là người ủy quyền trong trường hợp lựa chọn hình thức ủy quyền ngay trên Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này. Đối với tổ chức không có tư cách pháp nhân: Là người đại diện hợp pháp theo quy định của Bộ Luật dân sự về Quyền đại diện. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nếu lựa chọn Ủy quyền sử dụng TKTT trực tiếp tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này, người ủy quyền phải là người đại diện theo Pháp luật của pháp nhân hoặc là người đại diện hợp pháp theo quy định của Bộ Luật dân sự về Quyền đại diện của tổ chức không có tư cách pháp nhân. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nếu KH thuộc đối tượng tổ chức phải bố trí KTT theo quy định của Luật Kế toán nhưng không đăng ký chữ ký KTT/người phụ trách kế toán thì khi giao dịch trên TKTT này, KH vẫn phải hoàn thiện đầy đủ chữ ký KTT/Người phụ trách trên chứng từ theo quy định của NHNN về Chế độ chứng từ kế toán ngân hàng. [↑](#footnote-ref-4)
5. Nếu lựa chọn hình thức ủy quyền trên văn bản này: Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán phải ký và xác lập đầy đủ thông tin tại điểm a. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán [↑](#footnote-ref-5)
6. KH vui lòng ghi rõ phương thức quản lý TKTT tại đây nếu yêu cầu quản lý TKTT bao gồm nhiều chữ ký Chủ tài khoản và/hoặc một/một số chữ ký của những người được ủy quyền và một/một số chữ ký KTT/Phụ trách kế toán/người được ủy quyền (nếu có) và mẫu dấu (nếu có). [↑](#footnote-ref-6)
7. Là người đại diện hợp pháp của Tổ chức mở TK; Trường hợp lựa chọn Ủy quyền sử dụng TKTT trực tiếp tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này, người ký phải là người đại diện theo Pháp luật của pháp nhân, đối với tổ chức không có tư cách pháp nhân, phải là người đại diện hợp pháp theo quy định của Bộ Luật dân sự về Quyền đại diện [↑](#footnote-ref-7)